

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 8 năm 2022

V/v ly hôn giữa anh L, chị Ch

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Huy Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Ông Vũ Văn Sâm

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

**2. Bị đơn:** Chị Bùi Thị Ch, sinh năm 1975

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Anh L có mặt, chị Ch có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn anh Nguyễn Văn L có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Ch có tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn với chị Ch anh L đã có một đời vợ nhưng đã được Tòa án giải quyết ly

hôn, chị Ch cũng có một đời chồng nhưng đã mất trước đó. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh ở thôn Đ, xã Q, huyện Q. Trong thời gian chung sống với nhau chị Ch thường xuyên bỏ về nhà riêng ở xã A, huyện Q sinh sống, một thời gian sau chị tiếp tục quay về sinh sống với anh ở xã Q. Tháng 12/2021 chị Ch tiếp tục bỏ về xã A sinh sống mặc dù anh đã đi tìm chị quay về sinh sống nhưng chị Ch vẫn cương quyết không về chung sống cùng anh. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh xin được ly hôn với chị Bùi Thị Ch.

*Về con chung:* Anh L xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh L trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt chị Bùi Thị Ch có ý kiến như sau:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn L có tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn với anh L chị đã có một đời chồng nhưng đã mất trước đó, anh L đã có một đời vợ nhưng vợ chồng đã ly hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào khoảng tháng 12/2021 chị đã bỏ về xã A, huyện Q sinh sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Anh L làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh Nguyễn Văn L.

*Về con chung:* Chị Ch xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Ch trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Ch cũng trình bày thêm: Do bận mãi công việc chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không có ý kiến sửa đổi, bổ sung gì thêm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa nên không phát biểu về việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Bùi Thị Ch thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Bùi Thị Ch có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Bùi Thị Ch có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về điều kiện kết hôn và tình trạng hôn nhân vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh L, chị Ch được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào tháng 12/2021 chị Ch đã bỏ xã A, huyện Q sinh sống, trong thời gian này vợ chồng không ai quan tâm hỏi han hay liên lạc gì với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L, chị Ch đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh L được ly hôn chị Ch là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh L, chị Ch không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị Ch trình bày vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn chị Bùi Thị Ch.
2. *Về con chung*: Không đặt ra giải quyết.
3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra để giải quyết.
4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0004707 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.
5. *Về quyền kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 8 năm 2022). Chị Bùi Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, h. Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huy Hoàng**